TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:18/2019 /DS-ST
Ngày: 27 – 6 – 2019
"V/v:Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Đức Nghĩa
2. Ông Nguyễn Đức Đích

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-DS ngày 15 /5 /2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST – DS ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (Địa chỉ: Số 2 L, phường T, quận Ba Đình, Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Hồng N - Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 50/NHNoHB-UQ ngày 20/11/2017 của giám đốc Ngân hàng N - có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu T – Sinh năm 1959 và bà Hg Thị T – Sinh năm 1969 (Địa chỉ: Tổ 8, khu 8 phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) - Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quang V – Sinh năm 1966 (Địa chỉ: Tổ 2, khu 3, phường Y, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh), theo giấy ủy quyền đã được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh chứng thực ngày 19/6/2019 – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Cụ Bùi Hữu B – Sinh năm 1935, Cụ Vũ Thị Tề (Mất năm 2012).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Thị Tề bao gồm: Cụ Bùi Hữu B, bà Bùi Thị H – Sinh năm 1965, ông Bùi Hữu K – Sinh năm 1967, ông Bùi Hữu X - Sinh năm 1972, ông Bùi Hữu T – sinh năm 1974, bà Bùi Thị H – sinh năm 1983 (Cùng địa chỉ: Tổ 8, khu 8 phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh). Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị H (Theo văn bản ủy quyền đã được Ủy ban nhận dân phường B chứng thực số 230/ quyển số 01/2019-SCT/CK,ĐC ngày 10/01/2019 - Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Bùi Thành L sinh năm 1961 (Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, thị trấn T, huyện Hh Bồ, tỉnh Quảng Ninh) - Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Bà Bùi Thị P – Sinh năm 1963 (Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, thị trấn T, huyện Hh Bồ, tỉnh Quảng Ninh) – Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

1)Theo đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Ngày 28/12/2011 ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T đã ký hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD với Ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ để vay số tiền 450.000.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm, lãi suất quá hạn 31,5%/năm, lãi suất tại thời điểm hiện tại 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm. Bên vay phải trả lãi 3 tháng một lần vào ngày 29 tháng cuối quý, trả gốc khi đến hạn theo phần kỳ tại phụ lục Hợp đồng tín dụng, với mục đích H thiện nhà ở và mua sắm nội thất, ngày giải ngân 04/1/2012. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất 248m^2 và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 2, khu 8B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Nay là tổ 8, khu 8, phường B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 362302 số vào sổ 17793 ngày 19/10/2005 mang tên ông Bùi Hữu B và bà Vũ Thị T. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm cho vay 650.000.000 đồng. Việc thế chấp đã được ông B bà Tế (bên thế chấp), ông T bà T (bên vay) và Ngân hàng ký Hợp đồng thế chấp số 110106955/HĐTC ngày 28/12/2011. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại VPCC G ngày 29/12/2011 và được đăng ký thế chấp đầy đủ theo đúng quy định.

Sau khi giải ngân ngày 04/01/2012 ông T, bà T đã thực hiện trả nợ cho Ngân hàng 170.304.460 đồng cả gốc và lãi, từ ngày 12/11/2012 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả gốc, lãi theo nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần trực tiếp làm việc với ông T bà T cũng như đôn đốc B văn bản. Ông Bùi Thành L và bà Bùi Thị P đã trả số tiền gốc 205.000.000 đồng vào ngày 12/11/2014. Tại đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải trả tổng số tiền tính đến ngày 13/11/2017 là 318.162.093 đồng, trong đó nợ gốc là 144.850.014 đồng, nợ lãi 173.312.079 đồng.

Tại phiên tòa phía Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng đến thời điểm xét xử sơ thẩm 27/6/2019 với tổng số tiền là: 369.325.259 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 144.850.014 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn, không trăm mười bốn đồng), nợ lãi 224.475.245 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi năm đồng).

Yêu cầu ông T và bà T tiếp tục trả lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán xong khoản vay. Trường hợp ông T bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T bà T để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng không liên quan đến việc thỏa thuận cá nhân giữa ông T, bà T với vợ chồng ông Lê, bà Phương. Ngân hàng không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa ông T, bà T cho ông Lê, bà Phương.

2/ Đối với bị đơn ông T và bà T cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn khẳng định: Ngày 28/11/2011 ông T và bà T có ký kết hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD với Ngân hàng N vay số tiền 450.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên cụ Bùi Hữu B và cụ Vũ Thị T ký hợp đồng thế chấp số 110106955/ ngày 28/12/2011 với ngân hàng thế chấp quyền sử dụng 248m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 2, khu 8B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Nay là tổ 8, khu 8, phường B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 362302 số vào sổ 17793 ngày 19/10/2005 mang tên ông Bùi Hữu B và bà Vũ Thị T.

Hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD ngày 28/11/2011 ông T bà T ký để đáo nợ cho khoản vay 2,5 tỷ đồng của ông Lê bà P vay tại Ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ, thực tế ông T bà T trả lãi lại là số dư nợ 1,9 tỷ đồng của ông Lê bà P. Ông T bà T không được nhận số tiền trên nên người phải trả nợ là vợ chồng ông bà L – P. Sau đó Bùi Thành L và bà Bùi Thị P không trả nợ cho ngân hàng theo Biên bản thỏa thuận tại Công an huyện Hh Bồ ngày 13/9/2014, do đó ông bà T – T phải bỏ tiền ra trả lãi và gốc cho Ngân hàng, số tiền đã trả cho ngân hàng là 170.304.460 đồng. Ông T, bà T cũng thừa nhận số tiền nợ hiện tại của vợ chồng ông đúng như đại diện Ngân hàng đã xác định. Năm năm trở lại đây ông bà T – T do khó khăn nên không có khả năng trả nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án khi thì ông T bà T có quan điểm trả nợ dần số tiền nợ gốc và xin được miễn toàn bộ tiền lãi, khi thì buộc ông L và bà P phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng và trả cho ông T và bà T tổng số tiền 170.304.460 đồng.

Tại phiên tòa ban đầu yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng vô hiệu vì: Trong Hợp đồng vay 450.000.000 đồng ngày 28/11/2011 mà ông T và bà T đã ký kết với ngân hàng không có phương án sửa chữa nhà. Tất cả các giao dịch đăng ký đều

ngoài đường, vi phạm quy tắc của Ngân hàng về vấn đề cho vay. Việc giải ngân và trả nợ ông T chỉ có 06 lần trả nợ, còn các lần khác đều là chữ ký của người khác không phải của ông T (giả mạo chữ ký). Nhưng sau đó ông T và bà T có quan điểm đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và xin trả số nợ gốc, xin Ngân hàng miễn toàn bộ số nợ lãi. Buộc ông L và bà P trả cho ông T và bà T tổng số tiền 170.304.460 đồng.

3. Phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Thành L và bà Bùi Thị P trình bày: Ông L bà P cho rằng việc ông bà T – T ký hợp đồng với ngân hàng vay số tiền 450.000.000 đồng và thế chấp tài sản của Cụ B và cụ T, vợ chồng bà không biết, không liên quan món vay này. Sau đó, tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà P thừa nhận vợ chồng bà có cam kết trả nợ cho món vay 450.000.000 đồng cho ông T bà T vì ông bà T T vay Ngân hàng để trả vào khoản vay 2,5 tỷ của ông Lê bà P tại ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ (Nội dung được thể hiện trong Biên bản hòa giải tại Công an huyện Hh Bồ), nên sau khi bán nhà ông L và bà P cũng đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 205.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông L bà P không có khả năng để trả nợ vì do nhà đã bán và hai vợ chồng không có công ăn việc nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với khoản tiền ông T bà T đang nợ ngân hàng. Số tiền 170.304.460 đồng ông T bà T đã trả cho ngân hàng ông bà L - P cũng không có khả năng để H lại cho ông T bà T.

- Bà Bùi Thị H trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp của cụ Bùi Hữu B và cụ Vũ Thị T để thu hồi nợ nếu ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, bà đề nghị Tòa án xem xét theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho cụ Bùi Hữu B và các anh em trong gia đình.

- Ngày 28/3/2019, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 82 tại tổ 8, khu 8, phường B, thành phố Hạ Long, kết quả: Diện tích được thẩm định là 248m2 nguyên trạng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD362302 do UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 19/10/2005, phía sau đất đổi do Nhà nước quản lý gia đình tự ý xây dựng thêm công trình nhà cấp 4 năm 2018. Phần tài sản trên đất gồm 3 ngôi nhà cấp 4, gia đình xây năm 2018.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký: Việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự của thẩm phán đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 203 BLTTDS (Xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ, hòa giải). Thư ký được phân công thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

* Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tổ tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70,71,72,73 BLTTDS.

* Về nội dung khởi kiện:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và diễn biến tại phiên tòa hôm nay thấy: Việc ký kết hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD ngày ngày 28/12/2011, giữa ông Bùi Hữu T, bà Hg Thị T và Ngân hàng N chi nhánh huyện Hh Bồ để vay số tiền 450.000.000 đồng là có thật, được các bên thừa nhận. Bị đơn thừa nhận còn nợ lại số tiền gốc 144.850.014 đồng như quan điểm của nguyên đơn trình bày. Tài sản đảm bảo cho khoản vay, ông B, bà T (là bố mẹ ruột ông T) tự nguyện ký kết hợp đồng thế chấp số 110106955 ngày 28.12.2011 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của ông B, bà Tế đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà T. Giá trị tài sản thế chấp là 650.000.000 đồng. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Giếng Đáy số 110106955 ngày 29.12.2011. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho ông T, bà T ngày 04.01.2012. Đến kỳ T toán lãi, gốc ông bà T T không trả nợ cho ngân hàng, khoản vay chuyển quá hạn, ngân hàng đôn đốc tra nợ nhưng ông bà T, T không thực hiện nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T là có căn cứ nên chấp nhận. Ngân hàng có yêu cầu nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì ngân hàng đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với quan điểm ông T, bà T việc thế chấp thửa đất 248m2 và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 8, khu 8, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của bố mẹ ông để đáo nợ cho khoản vay của ông L, bà P vay ngân hàng số tiền 1.9 tỷ. Nhưng xét thấy đây là thỏa thuận giữa ông T, bà T và ông L, bà P, không có căn cứ xác định ông L, bà P có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo như thỏa thuận như trong hợp đồng. Do vậy, xác định ông T, bà T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Còn giữa ông T, bà T cho rằng tiền vay ngân hàng sử dụng để trả lãi cho khoản vay khác của ông L, bà P và ông L, bà P có trách nhiệm trả lãi cho ngân hàng theo hợp đồng ký kết giữa ngân hàng và ông T, bà T. Tuy nhiên, ông L, bà P không thừa nhận việc này. Hơn nữa, ngân hàng không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ từ ông T, bà T cho ông L, bà P, tài liệu trong hồ sơ không có căn cứ xác định việc chuyển giao nghĩa vụ. Do vậy, xác định nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết và khế ước nhận nợ, cũng như các biên bản làm việc đôn đốc trả nợ đều thể hiện ông T, bà T có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên xác định ông T, bà T là người có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Nếu ông T, bà T cho rằng số tiền vay ngân hàng là để trả nợ cho ông L, bà P thì ông T, bà T có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác để đòi lại quyền lợi cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N yêu cầu ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó xác định Quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín

dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt ông Bùi Thành L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng Nvới ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD với Ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ Ngày 28/12/2011. Như vậy Hợp đồng này đã được hai bên giao kết và thực hiện trước ngày 01/7/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung:

4.1/ Xét Hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD/HĐTD ngày 28/12/2011 được ký kết giữa Ngân hàng N với ông bà Bùi Hữu T và Hg Thị T với nội dung: "Ngân hàng cho ông T và bà T vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm, lãi suất quá hạn 31,5%/năm, lãi suất tại thời điểm hiện tại 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm. Bên vay phải trả lãi 3 tháng một lần vào ngày 29 tháng cuối quý, trả gốc khi đến hạn theo phần kỳ tại phụ lục Hợp đồng tín dụng, với mục đích H thiện nhà ở và mua sắm nội thất", được lập thành văn bản, trên cơ sở tự nguyện và xuất phát từ nhu cầu thực tế của các bên, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ, các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng.

4.2/ Ngày 04.01.2012 ngân hàng giải ngân cho bên vay số tiền 450.000.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận đủ tiền ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ số tiền là 170.304.460 đồng. Sau đó, ông T và bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông bà Bùi Hữu T và Hg Thị T T toán nợ nhưng các bị đơn không hợp tác trong quá trình Ngân hàng yêu cầu thực hiện các biện pháp xử lý nợ. Xét thấy vợ chồng ông bà Bùi Hữu T và Hg Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của bên vay theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng nói trên, nên cần buộc ông bà Bùi Hữu T và Hg Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trừ đi số tiền ông T và bà T cùng ông L, bà P đã trả thì các khoản nợ mà Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải T toán tính đến này 27/6/2019 là 369.325.259 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi năm ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 144.850.014 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn, không trăm mười bốn đồng), nợ lãi 224.475.245 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm bẩy mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi năm đồng), lãi trong hạn: 186.317.325 đồng, lãi quá hạn: 38.157.920 đồng. Đối chiếu với bảng kê gốc lãi thì nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án cũng như

việc giải trình về cách tính lãi của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

4.2/ Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD/HĐTD ngày 28/12/2011 đã ký giữa Ngân hàng với ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T, vào ngày 28/12/2011 cụ Bùi Hữu B và cụ Vũ Thị T tự nguyện ký kết với Ngân hàng N Hợp đồng thế chấp số 110106955/HĐTC (Thế chấp quyền sử dụng 248m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 2, khu 8B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Nay là tổ 8, khu 8, phường B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) được Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 362302 số vào sổ 17793 ngày 19/10/2005 mang tên ông Bùi Hữu B và bà Vũ Thị T, Giá trị tài sản thế chấp là 650.000.000 đồng). Hợp đồng thế chấp trên đã thực hiện đầy đủ thủ tục công chứng tại Văn phòng công chứng Giếng Đáy số 110106955 ngày 29.12.2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 342, 343, 715 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng thế chấp này là hợp pháp. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 tài sản thế chấp không có sự biến động so với thời điểm thế chấp. Trong trường hợp ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T không trả nợ cho Ngân hàng, theo quy định tại Điều 355, 715, 721 bộ luật dân sự 2005 và theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng N.

4.4/ Ông T bà T có quan điểm không được nhận tiền và việc thế chấp thửa đất 248m2 và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 8, khu 8, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của cụ B và cụ T để đáo nợ cho khoản vay 2,5 tỷ đồng của ông L bà P vay tại Ngân hàng N chi nhánh Hh Bồ, thực tế ông T bà T trả lãi lại là số dư nợ 1,9 tỷ đồng của ông L bà P, nên ông L và bà P có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng ký kết giữa ngân hàng với ông T, bà T theo biên bản thỏa thuận tại Công an huyện Hh Bồ và trả 170.304.460 đồng là số tiền ông T bà T đã trả cho ngân hàng.

Tuy nhiên tại Giấy lĩnh tiền vay số tiền 450.000.000 đồng của Ngân hàng N ngày 04/02/2012 thì ông T là người ký nhận số tiền trên (Tại phiên tòa ông T thừa nhận chữ ký trong Giấy lĩnh tiền vay là của ông). Mặt khác đây là thỏa thuận dân sự riêng giữa ông T, bà T với ông L, bà P. Hơn nữa, Ngân hàng không đồng ý chuyển giao nghĩa vụ từ ông T, bà T cho ông L, bà P. Theo Điều 315 BLDS ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 110106955/HĐTD/HĐTD ngày 28/12/2011 đã ký kết với Ngân hàng N. Ông T, bà T có quyền khởi kiện trong một vụ án dân sự khác để đòi lại quyền lợi cho mình.

4.5/Từ sự phân tích trên và căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là có căn cứ để chấp nhận.

4.6/Tuy nhiên ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T (Hai thành viên) đều tham gia ký kết Hợp đồng với tư cách là bên vay, có quyền và nghĩa vụ cá nhân đối với Ngân hàng (Bên cho vay) ngang nhau, cùng sử dụng chung vốn vay, do đó ngoài nghĩa vụ

cá nhân thì ông T và bà T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, nghĩa là ôngT phải chịu cả nghĩa vụ của bà T và ngược lại bà T phải chịu cả nghĩa vụ của ông T. Cụ thể chia theo phần, ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T mỗi người phải trả cho Ngân hàng N là 184.662.630 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi đồng).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân N được Tòa án chấp nhận nên ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải liên đới chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147- Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 342, 343, Điều 355, Điều 715, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến hết ngày 27/6/2019 tổng số tiền là 369.325.259 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi năm ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 144.850.014 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn, không trăm mười bốn đồng), nợ lãi 224.475.245 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm bẩy mươi lăm ngàn, hai trăm bốn mươi năm đồng), lãi trong hạn: 186.317.325 đồng, lãi quá hạn: 38.157.920 đồng.

Chia theo phần, ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T mỗi người phải trả cho Ngân hàng N là 184.662.630 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 110106955/HĐTD/HĐTD ngày 28/12/2011 cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc. Lãi suất mà vợ chồng ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải tiếp tục T toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 110106955/HĐTC ngày 28/12/2011 (Tài sản thế chấp quyền sử dụng 248m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là 02 gian nhà cấp 4 và công trình phụ tại tổ 2, khu 8B, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Nay là tổ 8, khu 8, phường B, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) đã

được Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 362302 số vào sổ 17793 ngày 19/10/2005 mang tên ông Bùi Hữu B và bà Vũ Thị T để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phát mãi tài sản đảm bảo không đủ để T toán nợ thì ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc H trả các khoản tiền nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong khoản nợ cho Ngân hàng N.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6) Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 18.466.263 đồng (Mười tám triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng). Chia theo phần: Ông Bùi Hữu T và bà Hg Thị T mỗi người nộp 9.233.131 đồng (Chín triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, một trăm ba mươi một đồng).

H trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N đã nộp 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo Biên lại thu tiền số 0000479 ngày 11/12/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

7) Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Thành L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hạ Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Nguyên đơn, bị đơn,
-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan thi hành án dân sự TP. Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;